

Số: ~~67~~ /2021/QĐ-UBND

Lào Cai, ngày ~~31~~ tháng 12 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH
Quy định một số nội dung về đăng ký giá, kê khai giá
trên địa bàn tỉnh Lào Cai

UỶ BAN NHÂN DÂN TỈNH LÀO CAI

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18/6/2020;

Căn cứ Luật Giá ngày 20/6/2012;

Căn cứ Nghị định số 177/2013/NĐ-CP ngày 14/11/2013 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Giá; Nghị định số 149/2016/NĐ-CP ngày 11/11/2016 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 177/2013/NĐ-CP ngày 14/11/2013 của Chính phủ;

Căn cứ Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14/5/2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật; Nghị định số 154/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14/5/2016 của Chính phủ;

Căn cứ Thông tư số 56/2014/TT-BTC ngày 28/4/2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện Nghị định số 177/2013/NĐ-CP ngày 14/11/2013 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Giá; Thông tư số 233/2016/TT-BTC của Bộ trưởng Bộ Tài chính ngày 11/11/2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 56/2014/TT-BTC ngày 24/8/2014;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính tại Tờ trình số 818/TTr-STC ngày 28/12/2021.

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

a) Quyết định này quy định một số nội dung về đăng ký giá, kê khai giá trên địa bàn tỉnh Lào Cai.

b) Các nội dung khác không quy định tại Quyết định này thì thực hiện theo quy định pháp luật hiện hành.

2. Đối tượng áp dụng

a) Tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh hàng hóa, dịch vụ trên địa bàn tỉnh Lào Cai.

b) Các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan đến hoạt động trong lĩnh vực giá trên địa bàn tỉnh Lào Cai.

Điều 2. Đăng ký giá

1. Danh mục hàng hoá, dịch vụ đăng ký giá là các mặt hàng cụ thể thuộc danh mục thực hiện bình ổn giá theo quy định tại Khoản 1, Điều 3, Nghị định số 177/2013/NĐ-CP ngày 14/11/2013 của Chính phủ.

2. Cách thức thực hiện, quy trình tiếp nhận và rà soát biểu mẫu đăng ký giá thực hiện theo các quy định tại Điều 5, Điều 6 Thông tư số 56/2014/TT-BTC ngày 28/4/2014 của Bộ Tài chính và Khoản 5, Điều 2 Thông tư số 233/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016 của Bộ Tài chính.

3. Biểu mẫu đăng ký giá được thực hiện theo quy định tại Phụ lục số 1 ban hành kèm theo Thông tư số 56/2014/TT-BTC ngày 28/4/2014 của Bộ Tài chính và Khoản 7, Điều 2 Thông tư số 233/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016 của Bộ Tài chính.

4. Cơ quan tiếp nhận, rà soát biểu mẫu đăng ký giá

a) Sở Tài chính chủ trì tiếp nhận, rà soát biểu mẫu đăng ký giá đối với các tổ chức sản xuất, kinh doanh hàng hóa, dịch vụ quy định tại điểm a, điểm b, điểm c, điểm d, điểm đ, điểm e, điểm g, điểm i, điểm k, Khoản 1, Điều 3 Nghị định số 177/2013/NĐ-CP ngày 14/11/2013 của Chính phủ.

b) Sở Công Thương chủ trì tiếp nhận, rà soát biểu mẫu đăng ký giá đối với các tổ chức sản xuất, kinh doanh hàng hóa, dịch vụ quy định tại điểm h Khoản 1 Điều 3 Nghị định số 177/2013/NĐ-CP ngày 14/11/2013 của Chính phủ.

c) Sở Y tế chủ trì tiếp nhận, rà soát biểu mẫu đăng ký giá đối với các tổ chức sản xuất, kinh doanh hàng hóa, dịch vụ quy định tại Điểm 1 Khoản 1 Điều 3 Nghị định số 177/2013/NĐ-CP ngày 14/11/2013 của Chính phủ và việc đăng ký giá được thực hiện theo hướng dẫn của Bộ Y tế.

d) Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố (UBND cấp huyện) tiếp nhận, rà soát biểu mẫu đăng ký giá đối với các cá nhân sản xuất, kinh doanh hàng hóa, dịch vụ quy định tại Khoản 1 Điều 3 Nghị định số 177/2013/NĐ-CP ngày 14/11/2013 của Chính phủ trên địa bàn huyện, thị xã, thành phố.

5. Thông báo tổ chức, cá nhân sản xuất doanh thực hiện đăng ký giá:

Sở Tài chính chủ trì, phối hợp với các Sở, ngành, UBND cấp huyện tổng hợp và trình Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành thông báo tổ chức, cá nhân sản xuất kinh doanh thực hiện đăng ký giá trên địa bàn tỉnh.

Điều 3. Danh mục hàng hóa, dịch vụ thực hiện kê khai giá

Danh mục hàng hóa, dịch vụ thực hiện kê khai giá trên địa bàn tỉnh Lào Cai (ngoài danh mục do Chính phủ quy định tại khoản 9 Điều 1 Nghị định số 149/2016/NĐ-CP), cụ thể như sau:

1. Vật liệu xây dựng được sản xuất, gia công trên địa bàn tỉnh, bao gồm:
 - a) Đá xây dựng (đá hộc, đá xay các loại), đá tự nhiên, đá nhân tạo (đá ốp, lát, đá xẻ các loại).
 - b) Cát, sỏi.
 - c) Gạch xây (gạch đất nung, gạch không nung).
 - d) Cửa các loại (sản xuất từ nhôm, nhựa lõi thép, gỗ...).
 - đ) Tấm lợp các loại, ngói các loại (Pro xi măng, onduline, sản xuất từ đá, tấm Aluminium, tấm lợp kim loại, tấm compact các loại,...).
 - e) Cột điện bê tông, ống công bê tông đúc sẵn, bê tông thương phẩm.
2. Vật liệu xây dựng khác, bao gồm: Sơn các loại, nhựa đường.
3. Cây giống, con giống, hạt giống.
4. Dịch vụ bến, bãi (bao gồm dịch vụ bốc xếp, vận chuyển hàng hóa) tại cửa khẩu quốc tế Lào Cai, Ga Lào Cai và các bến bãi thuộc các cửa khẩu phụ và tiểu ngạch (đường bộ và đường sông).
5. Vé thăm quan du lịch.
6. Dịch vụ lưu trú, lữ hành.
7. Dịch vụ trông giữ xe được đầu tư bằng nguồn vốn ngoài ngân sách nhà nước.
8. Dịch vụ sử dụng diện tích bán hàng tại chợ được đầu tư bằng nguồn vốn ngoài ngân sách nhà nước.
9. Tài liệu giáo dục địa phương (theo Khoản 1, Điều 32, Luật Giáo dục 2019).
10. Dịch vụ giáo dục tại cơ sở giáo dục tự nhân.
11. Dịch vụ vận chuyển hành khách bằng ô tô điện.
12. Cước vận chuyển hành khách bằng giường nằm tàu hỏa thuộc tuyến đường sắt Lào Cai - Hà Nội.
13. Cước vận tải bằng xe ô tô đối với: Kinh doanh vận tải hành khách theo hợp đồng và kinh doanh vận tải hàng hóa bằng xe Công ten nơ.
14. Dịch vụ tại bến xe ô tô, bao gồm: Dịch vụ ra, vào bến thuộc danh mục nhà nước quy định khung giá; Dịch vụ cho thuê mặt bằng kinh doanh trong bến xe; Dịch vụ khác tại bến xe.

15. Các dịch vụ tại bãi đỗ xe, trạm dừng nghỉ.

16. Khẩu trang y tế, vật tư y tế và các mặt hàng phục vụ phòng chống dịch bệnh.

Điều 4. Cách thức thực hiện và tiếp nhận kê khai giá, biểu mẫu kê khai giá

1. Cách thức thực hiện và tiếp nhận kê khai giá thực hiện theo quy định tại Điều 15, Thông tư số 56/2014/TT-BTC được sửa đổi bổ sung bởi Khoản 6, Điều 1, Thông tư số 233/2016/TT-BTC.

2. Biểu mẫu kê khai giá thực hiện theo quy định tại phụ lục số 4 ban hành kèm theo Thông tư số 56/2014/TT-BTC được sửa đổi, bổ sung bởi Khoản 9, Điều 1, Thông tư số 233/2016/TT-BTC.

Điều 5. Thẩm quyền tiếp nhận, rà soát văn bản kê khai giá

1. Sở Tài chính chủ trì, phối hợp với cơ quan có liên quan hướng dẫn, tiếp nhận, rà soát văn bản kê khai giá của các tổ chức sản xuất, kinh doanh đối với hàng hóa, dịch vụ quy định tại điểm b, điểm c, điểm d, điểm đ, điểm e, điểm h, điểm i, điểm o, Khoản 1, Điều 15, Nghị định số 177/2013/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung bởi Khoản 9, Điều 1, Nghị định số 149/2016/NĐ-CP và một số danh mục hàng hóa, dịch vụ quy định tại các Khoản 1, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8, 9, 10, 12, Điều 3, Quyết định này.

2. Sở Giao thông vận tải - Xây dựng chủ trì hướng dẫn, tiếp nhận, rà soát văn bản kê khai giá của các tổ chức sản xuất, kinh doanh đối với hàng hóa, dịch vụ quy định tại điểm m, Khoản 1, Điều 15, Nghị định số 177/2013/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung bởi Khoản 9, Điều 1, Nghị định số 149/2016/NĐ-CP và một số danh mục hàng hóa, dịch vụ quy định tại Khoản 11, Khoản 13, Khoản 15, Điều 3 Quyết định này.

3. Sở Công Thương chủ trì hướng dẫn, tiếp nhận, rà soát văn bản kê khai giá của các tổ chức sản xuất, kinh doanh đối với hàng hóa, dịch vụ quy định tại điểm n, Khoản 1, Điều 15, Nghị định số 177/2013/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung bởi Khoản 9, Điều 1, Nghị định số 149/2016/NĐ-CP.

4. Sở Y tế chủ trì hướng dẫn, tiếp nhận, rà soát văn bản kê khai giá đối với của các tổ chức sản xuất, kinh doanh đối với hàng hóa, dịch vụ quy định tại điểm l khoản 1 Điều 15 Nghị định 177/2013/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung tại khoản 9 Điều 1 Nghị định số 149/2016/NĐ-CP và danh mục hàng hóa, dịch vụ quy định tại Khoản 16 Điều 3 Quyết định này.

6. UBND cấp huyện hướng dẫn, tiếp nhận, rà soát văn bản kê khai giá của các cá nhân sản xuất kinh doanh đối với hàng hóa, dịch vụ quy định tại điểm b, c, d, đ, e, g, h, i, k, l, m, n, o, Khoản 1, Điều 15, Nghị định số 177/2013/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung tại Khoản 9, Điều 1, Nghị định số 149/2016/NĐ-CP và danh mục hàng hóa, dịch vụ quy định tại Điều 3 Quyết định này trên địa bàn huyện, thị xã, thành phố.

Điều 6. Cơ quan thông báo, thời gian thông báo đối với tổ chức, hộ kinh doanh thực hiện kê khai giá

1. Sở Tài chính thông báo danh sách đối với các tổ chức sản xuất, kinh doanh hàng hóa, dịch vụ thuộc danh mục phải thực hiện kê khai giá có trụ sở hoặc chi nhánh, đại lý (cả chi nhánh, đại lý có quyền quyết định giá, điều chỉnh giá và không có quyền quyết định giá, điều chỉnh giá) đóng trên địa bàn tỉnh (trừ các tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh thuộc danh kê khai giá ở Trung ương), trên cơ sở các cơ quan đơn vị (Sở Kế hoạch và Đầu tư, Cục Thuế tỉnh, các Sở quản lý chuyên ngành) cung cấp danh sách.

2. UBND cấp huyện thông báo danh sách đối với các cá nhân sản xuất, kinh doanh hàng hóa, dịch vụ thuộc danh mục phải thực hiện kê khai giá có trụ sở hoặc chi nhánh, đại lý (cả chi nhánh, đại lý có quyền quyết định giá, điều chỉnh giá và không có quyền quyết định giá, điều chỉnh giá) đóng trên địa bàn huyện, thị xã, thành phố.

3. Định kỳ vào ngày 01 tháng 7 hàng năm hoặc theo đề nghị của Sở Tài chính, Sở quản lý chuyên ngành, Sở Kế hoạch và Đầu tư, Cục Thuế tỉnh rà soát, điều chỉnh danh sách tổ chức thuộc đối tượng kê khai giá tại địa phương gửi Sở Tài chính tổng hợp, thông báo theo quy định, Ủy ban nhân dân cấp huyện rà soát, điều chỉnh danh sách các cá nhân sản xuất kinh doanh thuộc đối tượng kê khai giá tại địa phương theo quy định.

Điều 7. Hiệu lực thi hành và trách nhiệm tổ chức thực hiện

1. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 12 tháng 01 năm 2022 và thay thế Quyết định số 5406/QĐ-UBND ngày 04/12/2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt danh mục hàng hoá, dịch vụ phải thực hiện kê khai giá ngoài danh mục Trung ương quy định; phân cấp thông báo tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh; phân công hướng dẫn, tiếp nhận, rà soát Biểu mẫu đăng ký giá, văn bản kê khai giá trên địa bàn tỉnh Lào Cai.

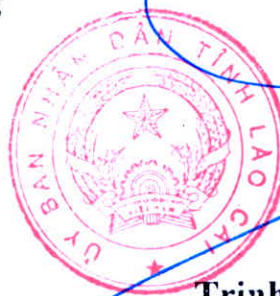
2. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Thủ trưởng các Sở, Ban, ngành, đoàn thể thuộc tỉnh; Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị sự nghiệp công lập, doanh nghiệp và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thực hiện Quyết định này. /

Nơi nhận:

- Bộ Tài chính (B/c);
- Cục Kiểm tra văn bản QPPL – Bộ Tư pháp;
- Như Khoản 2, Điều 7;
- TT. UBND tỉnh;
- Báo Lào Cai, Đài PT-TH tỉnh;
- Công báo tỉnh Lào Cai;
- Công TTĐT tỉnh;
- Lãnh đạo VP;
- Lưu: VT, TH1.



**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Trịnh Xuân Trường